

Số: 1235/2022/QĐST-HNGĐ *Thành phố Thủ Đức, ngày 18 tháng 4 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Hải Khê, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 21/5/1999;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 751/2022/HNST ngày 30/3/2022, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số A đường B, Khu phố C, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số E Đường số F, Khu phố G, phường H, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 08 tháng 4 năm 2022, ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim N thỏa thuận:

Về quan hệ hôn nhân ông Nguyễn T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1974 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim N có 03 (ba) con chung là Nguyễn Thị Kim A (nữ), sinh ngày 15/11/1999, Nguyễn Cao Đ (nam), sinh ngày 28/5/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Bảo T (nữ), sinh ngày 19/10/2009. Ông T và bà N thống nhất giao con chung Nguyễn Bảo T cho ông

Nguyễn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Kim N không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung/nợ chung: Không có.

Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim N chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1974 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo T (nữ), sinh ngày 19/10/2009 cho ông Nguyễn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Kim N không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Tài sản chung/nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông T, bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0026332 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T, bà N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS, TP.Thủ Đức;
- UBND xã Hải Khê, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Thanh**